**ẤN QUANG ĐẠI SƯ – LIÊN TÔNG THẬP TAM TỔ**



Ấn Quang Ðại Sư, húy Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tàm, người khoảng cuối Thanh sang kỷ nguyên Dân Quốc, con nhà họ Triệu ở Thiểm Tây. Thuở bé Ngài học Nho, lớn lên lấy việc duy trì đạo Khổng làm trách nhiệm, nên theo thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương Tu bài bác Phật Pháp. Sau bị bệnh mấy năm, tự xét biết lỗi lầm, liền cải hối tâm niệm trước.

          Niên hiệu Quang Chữ thứ bảy đời Thanh, vừa sang hai mươi mốt tuổi, căn lành thành thục, Ngài xuất gia với Ðạo Thuần Hòa Thượng tại Chùa Liên Hoa Ðộng ở núi Chung Nam. Ít lâu sau, lại được duyên thọ Ðại Giới nơi Chùa Song Khê, huyện Hưng An với luật sư Ấn Hải Ðịnh.

          Ngài từng bị đau mắt khi sanh ra vừa sáu tháng, sau tuy lành bệnh nhưng mục lực đã suy kém. Mắt vừa hơi đỏ thì chỉ nhìn thấy cảnh vật lờ mờ. Lúc thọ giới Cụ Túc, vì Ngài cẩn thận và viết chữ khéo nên được cử làm chức Thơ Ký. Do viết chữ quá nhiều, đôi mắt lại phát đỏ như huyết. Lúc trước nhân khi phơi Kinh được xem bộ Long Thơ Tịnh Ðộ, biết rõ công đức niệm Phật, nên kỳ thọ giới này, ban đêm sau khi chúng an nghỉ, Ngài vẫn ngồi niệm Phật. Ban ngày cho đến lúc viết chữ, tâm cũng không rời Phật. Nhờ đó tuy đôi mắt phát đỏ, vẫn có thể gắng gượng biên chép. Khi giới đàn vừa mãn bệnh đau mắt cũng được lành. Do đây, Ngài biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn! Và nhân duyên này cũng là đầu mối khiến Ngài quy hướng Tịnh Ðộ và khuyên người niệm Phật. Từ đó, Ðại Sư tiến bước trên đường tu học trải qua các danh lam: Tư Phước Tự, Long Tuyền Tự, Viên Quảng Tự và sau cùng đến Chùa Pháp Võ ở Phổ Ðà Sơn.

          Trong thời gian ấy, khi thì tham học, lúc duyệt Tam Tạng Kinh, khi lại nhập thất, nên Ngài ngộ sâu đến Thượng Thừa, lý sự đều vô ngại. Ðại Sư kiến thức cao siêu, làm việc cẩn mật, nên hai phen được Hóa Văn Hòa Thượng và Ðế Nhàn Pháp Sư mời làm đồng bạn đến đế đô thỉnh ba tạng Kinh cho Pháp Võ Tự ở Phổ Ðà Sơn và Ðầu Ðà Tự tại Ôn Châu. Cảm mến hạnh đức, Hóa Văn Hòa Thượng thỉnh Ngài về ở lầu Tàng Kinh tại Chùa Pháp Võ để tĩnh tâm tu niệm. Tính đến cuối đời nhà Thanh, trong hơn ba mươi năm xuất gia, Ðại Sư trước sau mai danh ẩn tích, không thích cùng người tới lui giao tiếp để hôm sớm yên tu, cầu chứng Niệm Phật tam muội.

          Nhưng chuông trống tuy đánh bên trong, tiếng thanh vẫn vang ra ngoài. Cao Tăng dù muốn ẩn mình, Thiên Long cũng đưa duyên phổ hóa. Niên hiệu Trung Hoa Dân Quốc năm đầu, Cư Sĩ Cao Hạc Niên nhân khi hành hương đến Chùa Pháp Võ, lúc trở về đem vài bài văn của Ðại Sư đăng lên Phật Học Tòng Báo ở Thượng Hải, dưới đề tên là Thường Tàm. Tuy chưa biết đó là ai, nhưng văn tự Bát Nhã đã khiến cho độc giả phát khởi căn lành, nhiều người đua nhau dò hỏi hỏi chỗ ở. Lúc ấy, Ðại Sư vừa đúng năm mươi hai tuổi. Mấy năm sau, tung tích cũng bị người tìm biết được; lần lượt kẻ vượt bể lên non cầu lời khai thị, người mượn tin hồng nhạn hỏi lối nam châm. Cư Sĩ Từ Uất Như sưu tập văn tín của Ngài in thành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, tái bản và tăng đính nhiều lượt, truyền bá cả trong đến ngoài nước.

          Ban sơ, khi Từ Cư Sĩ đem mẹ lên núi cầu xin Quy Y, Ðại Sư còn bền giữ chí ẩn tu không chịu chấp nhận, bảo sang Quy Y với Ðế Nhàn Pháp Sư ở Chùa Quán Tông tại Ninh Ba. Ðến năm Dân Quốc thứ tám, Cư Sĩ Châu Mạnh Do đem quyến thuộc lên núi, ba bốn phen đảnh lễ cầu khẩn, xin thâu làm đệ tử tại gia. Ðại Sư quán xét cơ duyên, lý khó khước từ, bất đắc dĩ phải chấp thuận. Tính đến năm ấy, Ngài được năm mươi chín tuổi, mới thâu đệ tử Quy Y lần đầu. Từ đó, hàng thiện tín kẻ viết thư cầu làm đệ tử, người lên non xin được Quy Y, tất cả đều y giáo phụng hành, ăn chay niệm Phật. Trong một đời giáo hóa, đệ tử tại gia của Ðại Sư, từ hạng quyền quý giàu sang, danh nhơn học sĩ đến kẻ thôn dã thường dân, số lên đến gần ba trăm ngàn người. Có nhiều vị niệm Phật tu hành được sanh về cõi Cực lạc.

          Ðại Sư trì giới tinh nghiêm, giữ mình rất kiệm ước. Ðồ phục dụng tốt đẹp, cùng thức ăn uống ngon quí người đem đến dâng, nếu không từ khước được cũng chuyển tặng cho những vị xuất gia khác. Còn phẩm vật thông thường thì đều chuyển giao cho nhà kho của Chùa để đại chúng cùng thọ hưởng. Bao nhiêu số tiền của dân tín cùng dường riêng cho mình, Ngài đều đem in Kinh sách, hoặc cứu tế các nạn tai, hay giúp vào những cơ quan từ thiện. Riêng mình chỉ giữ phần cơm thô, áo vải đến trọn đời. Ðại Sư tánh không thích phô trương, có vài Phật tử mến khi Ngài còn bé qua giai đoạn xuất gia và ra đời hoằng hóa, viết thành tuyệt ký, rồi gởi đến xin hiệu chính để ấn tống lưu truyền rộng ra. Ngài đều khước từ, gởi nguyên bản trả lại, khuyên xin vì mình mà dẹp bỏ đi. Hai vị hiển quan: Ðào Tại Ðông và Hoàng Hàm Chi có viết thư đem đạo hạnh của Ðại Sư trình lên Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc. Ngài được Từ Tổng Thống phong tặng tấm biển đề "Ngộ Triệt Viên Minh", sai đoàn đại biểu đem đến tận Chùa Phổ Ðà, cùng hiến dâng nhiều hương hoa phẩm vật. Hàng đạo tục nghe thấy đều ngợi khen, song riêng Ngài vẫn thản nhiên dường không hay biết. Ðại Sư có ba điểm đặc biệt khác hơn những vị xuất gia đương thời. Một là không lãnh làm trụ trì tự viện lớn, vì cho mình kém đức, e chướng ngại đến sự thanh tu. Hai là không thâu đệ tử xuất gia, vì xét thấy vào thời mạt pháp đã sâu, người xứng đáng với bổn phận xuất gia rất ít, nên không muốn gây nhiều hệ lụy. Ba là không quyên mộ khuyến hóa, bởi thẹn thấy nhiều kẻ vì lợi danh mà làm mất sự thanh khiết của nhà tu.

          Về duyên hoằng hóa, Ðại Sư quán xét vào thời mạt vận đạo đức lần suy, nhơn căn hầu hết đều kém yếu; phần đông chỉ ở trình độ giữ Tam Quy Ngũ Giới, niệm Phật ăn chay mà thôi. Như thế cũng gọi là đã có nhiều căn lành rồi. Còn hạng siêu xuất thì thật ra tuyệt ít. Vì thế, đại khái Ngài chỉ khuyên giữ trọn luân thường, tin chắc nhân quả, lánh dữ làm lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Người đáng chiết phục, dù bậc Thiền túc cự Nho, đạt quan danh sĩ, cũng thẳng thắn chỉ trích; kẻ đáng nhiếp thọ, tuy hạng sơ học hậu sanh, nông công nô bộc, cũng từ ái dạy khuyên. Cách giáo hóa của Ngài, chỉ đem những sự lý thiết thật bình thường để khuyến ích. Tuy chính mình hiểu sâu Tông, Giáo, song không chuộng huyễn luận cao đàm. Ðại Sư thường tán trợ vào các hội Niệm Phật phóng sanh, khuyên giúp vào các viện từ ấu, dưỡng lão. Ngài cũng sáng lập ra Hoằng Hóa Xã, giao cho người coi sóc, mình lãnh phần chỉ đạo, để ấn tống hoặc phát hành Kinh sách và tượng Phật. Trong hơn hai mươi năm, nơi đây đã lưu hành trên một triệu bức tượng Phật, Bồ Tát và hơn năm triệu bộ Kinh sách thích ứng với thời cơ.

          Về công trình hộ pháp, lúc Âu chiến lần thứ nhứt, chính quyền có nghị định cho dời những kiều dân người Ðức vào ở các Chùa. Ðại Sư cố gắng vận động với các bậc quyền thế khiến cho bỏ qua việc đó. Từ năm Dân Quốc thứ hai đến năm Dân Quốc thứ hai mươi lăm, đã nhiều phen chính phủ theo lời đề nghị của những nhà đương quyền có óc duy vật, lần lượt đăng báo muốn sung tài sản Chùa chiền vào công quỹ, chiếm các tự viện làmtrường học. Ðại Sư hợp sức cùng chư tăng sĩ và các Cư Sĩ hộ pháp lập cách giải cứu, khiến cho đều được nạn khỏi tai qua. Ngoài ra, các tiểu tiết khác, Ngài chỉ tùy thời dùng đôi lời nói, hoặc một phong thơ; đều tiêu trừ kiếp nạn.

          Về công trình hộ pháp, lúc Âu chiến lần thứ nhứt, chính quyền có nghị định cho dời những kiều dân người Ðức vào ở các Chùa. Ðại Sư cố gắng vận động với các bậc quyền thế khiến cho bỏ qua việc đó. Từ năm Dân Quốc thứ hai đến năm Dân Quốc thứ hai mươi lăm, đã nhiều phen chính phủ theo lời đề nghị của những nhà đương quyền có óc duy vật, lần lượt đăng báo muốn sung tài sản Chùa chiền vào công quỹ, chiếm các tự viện làm trường học. Ðại Sư hợp sức cùng Chư tăng sĩ và các Cư Sĩ hộ pháp lập cách giải cứu, khiến cho đều được nạn khỏi tai qua. Ngoài ra, các tiểu tiết khác, Ngài chỉ tùy thời dùng đôi lời nói, hoặc một phong thơ; đều tiêu trừ kiếp nạn.

Tuần hoàn kiếp số rất bi thương!

Thoát khổ đâu hơn Cực Lạc bang?

Gắng niệm Di Ðà về bản cảnh

Ðừng mê trần lụy lạc tha hương

Bụi hồng nghiệp trước đời hư mộng

Lửa đỏ ngày sau nước họa ương

Khuyên sớm xa nơi nhiều kiếp nạn

Cùng nhau dạo bước đến Liên phương.

          Trong bài thi, Ngài ám chỉ nạn binh hỏa về sau, và khuyên người niệm Phật vậy.

          Năm Dân Quốc thứ mười bảy, Ðại Sư thành lập Tịnh Ðộ đạo tràng tại Chùa Linh Nham, soạn ra chương trình quy củ giao cho Chân Ðạt Hòa thượng nhiếp chúng trụ trì. Từ đó Ngài về ở tịnh thất tại Tô Châu. Sau thời niệm Phật, Ðại Sư họp cùng Cư Sĩ Hứa Chỉ Tịnh, tu chỉnh bốn quyển Danh Sơn Chí, nói về linh tích các núi: Phổ Ðà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa. Năm bảy mươi bảy tuổi vì chiến cuộc bức bách, Ngài từ Tô Châu dời về Linh Nham, an cư niệm Phật ba năm.

          Năm Dân Quốc thứ hai mươi chín, ngày 24 tháng 10, Ðại Sư dự biết kỳ Vãng Sanh, cho triệu tập chư Tăng và Cư Sĩ về Chùa Linh Nham. Trong buổi hội đàm, Ngài suy cử Diệu Chơn Hòa Thượng kế nhiệm trụ trì, dặn dò các việc mai sau, và bảo: "Pháp Môn Niệm Phật không có chi đặc biệt lạ kỳ. Chỉ cần khẩn thiết chí thành thì không ai chẳng được Phật tiếp dẫn". Qua ngày mùng 4 tháng 11, Ðại Sư cảm bệnh nhẹ, song vẫn tinh tấn niệm Phật. Niệm xong, bảo đem nước rửa tay, rồi đứng lên nói: "Phật A Di Ðà đã đến tiếp dẫn, tôi sắp đi đây. Ðại chúng phải tin nguyện niệm Phật cầu về Tây phương!". Nói đoạn, bước lại ghế ngồi kiết già, chắp tay trì danh theo tiếng trợ niệm của đại chúng rồi an lành viên tịch. Lúc ấy, Ðại Sư tăng lạp được sáu mươi, thế thọ tám mươi tuổi.

          Rằm tháng Hai năm sau, nhằm thánh tiết Phật nhập Niết Bàn, cũng vừa đúng kỳ Ðại Sư Vãng Sanh được một trăm ngày. Hàng đạo tục các nơi hội về Linh Nham trên hai ngàn người, sắp đặt lễ trà tỳ. Lúc ấy bầu trời hốt nhiên sáng tạnh trong trẻo. Khi Chân Ðạt Hòa Thượng cầm đuốc cử hỏa, khói bay lên trắng như tuyết, hiện ra ánh sáng năm sắc. Hôm sau Diệu Chơn Hòa Thượng cùng đại chúng đến nơi khám nghiệm, thấy xá lợi hiện ra nhiều hình dáng, đủ các màu, có thứ gồm ngũ sắc. Tất cả đều cứng như khoáng chất, gõ vào phát ra tiếng trong thanh. Ðại chúng lựa chia thành sáu phần:

**1. Nha xỉ xá lợi**: gồm ba mươi hai cái răng.

**2. Ngũ sắc xá lợi châu**: nhiều hạt tròn sáng.

**3. Ngũ sắc tiểu xá lợi hoa**: hình như các đóa hoa nhỏ.

**4. Ngũ sắc đại xá lợi hoa:** hình như những đóa hoa lớn.

**5. Ngũ sắc huyết xá lợi**: do huyết nhục hóa thành.

**6. Ngũ sắc xá lợi khối:**gồm những khối có nhiều hình dáng, màu sắc.

          Tất cả đều để vào lồng kiếng, trân tàng tại bản sơn.

          Kế tiếp hàng Tăng Ni và đệ tử lễ bái thỉnh cầu, vị nào có thành tâm khi bới tro tìm kiếm đều được xá lợi. Như Quảng Hiệp Pháp Sư ở Tân Gia Ba, Pháp Ðộ Thượng Nhơn ở Ngũ Ðài, Cư Sĩ Ngô Quốc Anh ở Phi Luật Tân, Cư Sĩ Nhạc Huệ Võ ở Thượng Hải, mỗi vị đều được xá lợi màu xanh, màu vàng, huyết sắc hoặc ngũ sắc. Ðại Sư lúc bình thời, ngôn hạnh chân thật, không biểu thị điều chi kỳ lạ nên chẳng thể biết Ngài chứng đắc đến đâu. Song hàng Tăng tục xét qua đạo hạnh, sự hoằng hóa thuở còn sanh tiền, đến việc quy Tây và lưu xá lợi khi viên tịch, đều nhận định Ngài là bậc thánh nhơn tái lai để tùy cơ độ sanh và hộ trì chánh pháp. Vì thế, nhân ngày kỷ niệm một năm viên tịch, các liên hữu Tăng tục đồng suy tôn Ðại Sư làm vị Tổ thứ mười ba của Liên tông.

**Lời phụ:**

          Tịnh Ðộ không có sự truyền thừa như chư Tổ bên Thiền tông. Sở dĩ có chư Tổ Tịnh Ðộ là do các vị Tăng, tục tu môn niệm Phật đời sau, hợp lại chọn những bậc siêu xuất mà suy tôn. Sự siêu xuất ấy biểu lộ trên ba quan điểm:

          1. Về phần kiến thức, phải là bậc hiểu sâu cả Tông lẫn Giáo, ngộ đến thượng thừa.

          2. Về phần đạo hạnh, phải giới phẩm tinh nghiêm, tu hành tinh tấn. Khi lâm chung có triệu chứng Vãng Sanh.

          3. Về phần hoằng hóa, phải có công tuyên dương Tịnh Ðộ, hộ trì chánh pháp, khuyến đạo ngàn muôn người niệm Phật.

          Trong Tịnh Ðộ Thánh Hiền Lục chỉ ghi có mười một vị Tổ tông Tịnh Ðộ. Về sau nơi đạo tràng Linh Nham, Ngài Ấn Quang họp các liên hữu tăng tục, suy tôn Hành Sách Ðại Sư làm vị Tổ thứ mười, đưa Thật Hiền Ðại Sư lên hàng thứ mười một và Tế Tỉnh Ðại Sư lên hàng thứ mười hai. Sau khi Ấn Quang Ðại Sư Vãng Sanh, chư liên hữu xét thấy Ngài có công lớn với Tịnh Ðộ, mới họp lại đồng suy tôn lên làm vị Tổ thứ mười ba.

          Thiền tông tuy có y bát truyền thừa, nhưng mục đích dùng để hiểu tín với quần chúng. Sau đời Lục Tổ, chỉ truyền pháp không còn truyền y bát, vì lúc ấy Thiền hóa đã thạnh hành. Bên Tịnh Ðộ, chư Ðại Sư cũng thuần vì bi trí lợi sanh, không tự gọi mình là Tổ. Chỉ sau khi các Ngài viên tịch, người đời sau mới suy tôn lên. Nhưng thật ra, xét kỳ qua mọi phương diện, các vị đều là bậc thánh nhơn ứng hóa, xứng đáng được tôn là Tổ. Những bậc cao tăng thông thường không thể làm được như vậy.

          Trong mười ba vị Tổ của Tịnh Ðộ, đã có bảy Ngài nguyên là Thiền sư được chánh truyền. Các vị ấy là: Thừa Viễn, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích, Hành Sách, Tỉnh Am và Triệt Ngộ. Tại sao các Ngài đã ngộ Thiền mà không hoằng Thiền, trở lại hoằng Tịnh? Trong đây có ba nguyên yếu:

          1. Về pháp môn: Trực Chỉ Thiền chỉ có lợi cho bậc thượng thượng căn, hàng trung, hạ khó bề thể nhập (“Phi thượng thượng căn, thận vật khinh hứa” - Tổ ngữ). Còn môn Tịnh Ðộ thì lợi khắp cả ba căn. Hàng thượng thượng căn tu Tịnh Ðộ có thể hiện đời ngộ được bản tâm, chứng Niệm Phật tam muội, khi mạng chung sanh về Thượng phẩm. Dù kẻ tối hạ căn nếu chuyên niệm Phật cũng được đới nghiệp Vãng Sanh, lên ngôi Bất Thối. Khi đã Vãng Sanh, kề cận Di Ðà, gần gũi thánh chúng, thọ mạng vô biên kiếp, lo gì không ngộ chân tâm, chứng thánh quả! Vì sự lợi ích rộng rãi chắc chắn như thế, các Ngài mới khuyên tu Tịnh Ðộ!

          2. Về thời tiết: Trong thời Chánh Pháp, có thật hành phần nhiều đều chứng quả, hoặc đi sâu vào thiền định để làm cơ bản cho những kiếp tu sau. Qua thời Tượng Pháp, sự ngộ đạo còn có ít người huống chi là chứng! Ðến thời Mạt Pháp, như Kinh Ðại Tập nói: "Ức ức người tu hành, song khó tìm một người ngộ đạo". Dù được ngộ đạo, nhưng chưa phải chứng, phiền não nghiệp tập hãy còn, khi luân hồi bị phước báo làm mê, mười người đã thối chuyển hết chín. Do đó, từ cuối thời Tượng bước sang Mạt Pháp, chư đại thiện tri thức lần lần chuyển hướng dạy người tu Tịnh Ðộ. Vì bấy giờ thiền hóa còn thạnh hành, các Ngài thị hiện phương tiện, trước triệt ngộ Thiền cơ, sau hoằng dương Tịnh Ðộ, mới được người đương thời tín nhiệm tuân hành.

          3. Về cơ duyên: Từ đầu Mạt Pháp trở về sau, căn cơ của quần chúng hầu hết là hạng trung, hạ. Muốn thật hiện mục đích lợi sanh trong thời đại này, chư Bồ Tát phải tùy cơ duyên mà chủ trương Tịnh Ðộ. Các tông khác tuy cũng rất cần chấn hưng, nhưng chỉ thuộc phần thứ yếu, bởi sự lợi ích không được phổ cập. Từ trước chư tôn túc trong các tông khác xét biết điều này, nên tuy vẫn hoằng dương bổn môn mà phần nhiều đều quy hướng Tịnh Ðộ. Như Chân Yết Liễu thiền sư nói: "Những vị dưới tông Tào Ðộng đều mật tu Tịnh Ðộ, bởi Tịnh Ðộ thấy Phật còn dễ hơn Thiền tông" (Ðộng hạ nhất tông giai cụ mật tu, dĩ Tịnh Ðộ kiến Phật vưu giản vị ư Tông môn).

          Về như thời cận đại, Ðế Nhàn Pháp Sư tuy truyền bá tông Thiên Thai, song vẫn niệm Phật. Khi sắp viên tịch, Ngài đọc lời kệ khuyến tấn đại chúng:

Tôi nhờ niệm Phật.

Tịnh Ðộ hiện tiền.

Thọ dụng chân thật.

Chúng gắng tinh chuyên!

          Ấn Quang Pháp Sư trong bức thư gởi cho Thể An Hòa thượng có nói: "Trong mấy mươi năm lịch duyệt Bắc, Nam, đi về hàng muôn dặm, tôi Kinh nghiệm thấy những vị thông minh hiểu suốt Tông giáo, khinh thường Tịnh Ðộ, khi lâm chung phần nhiều mê loạn, đôi khi có trạng thái kêu la. Còn những người chân thật niệm Phật, dù tín nguyện chưa chí thiết, không có thoại ứng lúc lâm chung, nhưng họ chết đều yên ổn cả".

          Cho nên, từ lúc sanh tiền đến khi quá vãng, môn Niệm Phật đích thật là con thuyền cứu khổ nhơn sanh trong thời buổi này vậy.